

**SÚNG,
VI TRÙNG
VÀ THÉP**

Định mệnh
của các xã hội
loài người

GUNS, GERMS AND STEEL

© 1999, 1997 by Jared Diamond

All rights reserved.

SÚNG, VI TRÙNG VÀ THÉP: ĐỊNH MỆNH CỦA CÁC XÃ HỘI LOÀI NGƯỜI

Tác giả: Jared Diamond

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam, 2018, 2024

Bản dịch tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam xuất bản, bìa mềm tay gấp, 2018, 2019, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam xuất bản, bìa cứng áo ôm, 2020

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam xuất bản, phiên bản bỏ túi, 2026

Thiết kế và trình bày: Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam - thành viên của Alpha Publishing Group.

CÔNG TY CP SÁCH OMEGA VIỆT NAM (OMEGA PLUS) thành lập tháng 9/2016 với định hướng xuất bản tri thức nền tảng trong lĩnh vực Khoa học Nhân văn, Khoa học Tự nhiên, Chính trị - Xã hội, Triết học, Nghệ thuật... Đến nay, chúng tôi đã xuất bản gần 500 đầu sách thuộc 7 tủ sách, bao gồm: Kinh điển, Sử Việt, Khoa học, Nhân vật Vĩ đại, Nghệ thuật, Tủ sách Đòi người, và Tủ sách Y sinh (Medinsights). Thông qua việc xuất bản các ấn phẩm có giá trị, mang hàm lượng tri thức cao, qua các hoạt động nhằm đưa tri thức hữu ích đến cộng đồng; Omega Plus mong muốn đóng góp theo cách riêng vào sự phát triển đang ngày càng mạnh mẽ của xã hội.

Không phần nào thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam và được chủ sở hữu nhượng quyền trong xuất bản phẩm này được phép sao chép, lưu trữ trong hệ thống truy xuất hoặc truyền đi dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào gồm điện tử, cơ khí, sao chụp, ghi âm hoặc mọi hình thức và phương tiện khác mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Diamond, Jared

Súng, vi trùng và thép : Định mệnh của các xã hội loài người = Guns, germs and steel : The fates of human societies / Jared Diamond ; Trần Tiễn Cao Đăng dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới ; Công ty Sách Omega Việt Nam, 2026. - 760 tr. ; 18 cm

1. Biến đổi xã hội 2. Văn minh 3. Nhân loại 4. Thế giới

303.4 - dc23

TGM0688p-CIP

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: info@omegaplus.vn

Liên hệ ebooks, hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: truyenthong@omegaplus.vn

Liên hệ dịch vụ bản quyền, xuất bản, ký gửi và phát hành: dichvu@omegaplus.vn

SÚNG, VI TRÙNG

VÀ

Định mệnh
của các xã hội
loài người

THÉP

Trần Tiên Cao Đăng dịch

Guns, Germs and Steel: The Fates of human societies

JARED DIAMOND

ĐỘI NGŨ TRIỂN KHAI OMEGA+

Chịu trách nhiệm xuất bản: Trần Hoài Phương

Phụ trách xuất bản: Hà Thị Kim Ngân

Điều phối xuất bản: Nguyễn Hương

Phụ trách bản quyền: Thiên Hương

Biên tập viên: Ngô Anh Tuấn

Biên tập viên tái bản: Bùi Huyền

Thiết kế bìa: Nguyễn Vũ Thiên Thanh

Trình bày: Vũ Lê Thư

Thư ký xuất bản: Bùi Huyền

ĐƠN VỊ HỢP TÁC TRUYỀN THÔNG



<https://www.facebook.com/tramdocvn>
website: <http://tramdoc.vn/>

Mục lục

Lời dịch giả.....	7
Tại sao lịch sử thế giới giống như củ hành?.....	10
Lời nói đầu: Câu hỏi của Yali	14



PHẦN I. TỪ VƯỜN ĐỊA ĐÀNG ĐẾN CAJAMARCA

<i>Chương 1</i>	Trước vạch xuất phát	48
<i>Chương 2</i>	Thí nghiệm tự nhiên về lịch sử.....	77
<i>Chương 3</i>	Cuộc đụng độ ở Cajamarca.....	99

PHẦN II. SỰ XUẤT HIỆN VÀ LAN RỘNG CỦA SẢN XUẤT LƯƠNG THỰC

<i>Chương 4</i>	Sức mạnh của nhà nông	125
<i>Chương 5</i>	Kẻ-có và kẻ-không-có trong lịch sử.....	137
<i>Chương 6</i>	Làm nông hay không làm nông?	171
<i>Chương 7</i>	Làm ra một quả hạnh đào bằng cách nào?.....	187
<i>Chương 8</i>	Táo hay người Anh-điêng?.....	213
<i>Chương 9</i>	Ngựa vằn, những cuộc hôn nhân bất hạnh và nguyên lý Anna Karenina.....	255
<i>Chương 10</i>	Trời rộng và trọc nghiêng	286

PHẦN III. TỪ LƯƠNG THỰC ĐẾN SÚNG, VI TRÙNG VÀ THÉP

<i>Chương 11</i>	Tặng phẩm chết người của gia súc	312
<i>Chương 12</i>	Bản gốc và những chữ cái vay mượn.....	346

<i>Chương 13</i>	Mẹ đẻ của nhu cầu.....	383
<i>Chương 14</i>	Từ chủ nghĩa bình quyền đến chính quyền ăn cướp	426

PHẦN IV. VÒNG QUANH THẾ GIỚI TRONG SÁU CHƯƠNG SÁCH

<i>Chương 15</i>	Dân tộc của Yali.....	490
<i>Chương 16</i>	Tại sao Trung Quốc đã trở thành Trung Hoa?	532
<i>Chương 17</i>	Tàu thủy cao tốc đến Polynesia	551
<i>Chương 18</i>	Đụng độ giữa hai bán cầu	582
<i>Chương 19</i>	Châu Phi đã trở thành đen như thế nào?	617
<i>Chương 20</i>	Người Nhật là ai?.....	658



<i>Lời kết</i>	Tương lai của lịch sử loài người như một ngành khoa học.....	697
<i>Lời bạt</i>	Các nước giàu và các nước nghèo trong <i>Súng, Vi trùng và Thép</i>	733
Mục từ tra cứu.....		751

Lời dịch giả

Súng, Vi trùng và Thép được chọn trao giải thưởng Sách Quốc gia là một tin bất ngờ đối với tôi, người dịch. Tuy nhiên, nghĩ kỹ, điều này không quá bất ngờ. Nó cho thấy cuốn sách tiếp tục có giá trị và tính thời sự như thế nào – nhất là với bản in mới nhất này của Omega Plus.

Loài người đã phát triển từ chỗ sơ khai đến sự văn minh và đang có nguy cơ – càng ngày càng rõ rệt – trượt dần từ văn minh đến dã man như thế nào, đó là chủ đề lớn, bao trùm, khôn cạn, khôn cùng của khoa học, nghệ thuật, tôn giáo, nói chung là hoạt động trí tuệ và tâm linh của con người. *Súng, Vi trùng và Thép* là một trong những nỗ lực đáng trọng của con người trên con đường đó.

Từ sau khi cuốn sách ra đời, đã và đang có nhiều luồng ý kiến phản biện nó, mà có lẽ xuyên suốt hơn cả là những “cáo buộc” về việc tác giả dường như quá nhấn mạnh tầm quan trọng của môi trường địa lý trong sự “thành/bại” của một khu vực, một quốc gia, mà xem nhẹ vai trò của những phẩm chất thuộc về con người. Các phản biện này, xét khách quan, đều có cơ sở và đáng cho ta suy xét một cách nghiêm túc. Song, mặt khác, theo tôi, chính sự hiện diện của những phản biện tốt là cơ sở cần thiết để con người có thể bổ sung, kiện toàn một giả thuyết – qua đó khẳng định chân giá trị của giả thuyết. Đó là sức sống và tinh thần của khoa học đích thực.

Kể cả dù cần bổ khuyết ít nhiều, kiến giải của Jared Diamond vẫn nhiều giá trị đối với chúng ta, và sách của ông vẫn là cuốn sách mà người đọc Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ

nên đọc, như một nguồn tư liệu giúp ta một cách đáng kể trong việc thử đắ một cái nhìn đầy đủ, toàn triệ về lịch sử loài người, giải bỏ một số thiên kiến và “huyền thoại” về sự ưu việt chủng tộc của một số người, và có nhận thức sâu xa hơn về những gì con người phải làm để duy trì nền văn minh chúng ta tạo ra và bảo vệ thế giới đã sinh ra chúng ta.

Niềm tự hào nhỏ của tôi là đã góp phần khiêm nhường của mình vào việc đó.

TRẦN TIẾN CAO ĐĂNG

*Tặng Esa, Kariniga, Omwai, Paran, Sauakari, Wiwor
cùng tất cả các bạn bè và người thầy New Guinea khác của tôi –
những chủ nhân của một môi trường khắc nghiệt.*

Tại sao lịch sử thế giới giống như củ hành?

Mục đích của cuốn sách này là cung cấp một lược sử về tất cả mọi người trong khoảng 13.000 năm trở lại đây. Câu hỏi thôi thúc tôi viết ra cuốn sách này là: tại sao lịch sử đã diễn ra trên mỗi châu lục một khác? Nếu như câu hỏi này lập tức khiến bạn nhún vai cho rằng bạn sắp phải đọc một luận văn phân biệt chủng tộc, thì bạn đã nhầm. Như bạn sẽ thấy, những lời đáp cho câu hỏi này tuyệt không bao hàm những sự khác biệt về chủng tộc. Cuốn sách này tập trung truy tìm những lý giải tối hậu, và đẩy lùi chuỗi nhân quả lịch sử càng xa càng tốt.

Hầu hết những cuốn sách có mục đích điểm lại lịch sử thế giới đều tập trung vào lịch sử các xã hội có chữ viết ở lục địa Âu-Á và Bắc Phi. Các xã hội bản địa ở các vùng khác trên thế giới – châu Phi hạ Sahara, châu Mỹ, Đông Nam Á hải đảo, châu Úc, New Guinea, các đảo Thái Bình Dương – chỉ được nhắc sơ qua, chủ yếu là về những gì xảy ra với họ ở giai đoạn rất muộn trong lịch sử, sau khi người châu Âu đã khám phá ra họ và chinh phục họ. Ngay cả với lục địa Âu-Á, hầu hết số trang trong sách được dành cho lịch sử phần phía tây của Âu-Á hơn là Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, vùng nhiệt đới Đông Nam Á, và các xã hội phía đông Âu-Á khác. Lịch sử trước thời điểm phát sinh chữ viết vào khoảng 3.000 năm TCN cũng chỉ được điểm qua vắn tắt, mặc dù nó chiếm tới 99,9% toàn bộ lịch sử năm triệu năm của loài người.

Những tường trình về lịch sử nhân loại mà diện khảo sát bị bó hẹp như vậy thường gặp ba điều bất lợi. Thứ nhất,

hoàn toàn dễ hiểu, hiện nay ngày càng có nhiều người quan tâm đến các xã hội khác ngoài các xã hội phía tây lục địa Âu-Á. Nói gì thì nói, chính các xã hội “khác” kia mới bao hàm hầu hết dân số thế giới và đại đa số các nhóm dân tộc, văn hóa và ngôn ngữ trên thế giới. Một số xã hội trong đó đã trở thành – vài xã hội khác thì đang trở thành – những lực lượng kinh tế và chính trị mạnh mẽ nhất trên thế giới.

Thứ hai, nhất là đối với những người đặc biệt quan tâm đến sự hình thành thế giới hiện đại, thứ lịch sử bị giới hạn vào những diễn biến từ khi chữ viết ra đời thì không thể mang tới sự hiểu biết sâu sắc được. Chẳng phải vì các xã hội trên những châu lục khác nhau đã có thể so sánh với nhau cho đến 3.000 năm TCN, khi các xã hội ở phía tây Âu-Á bắt ngờ phát minh ra chữ viết và cũng là lần đầu tiên bút lên dẫn đầu trong các lĩnh vực khác. Thay vì vậy, vào khoảng 3.000 năm TCN, đã có những xã hội Âu-Á và Bắc Phi không chỉ mạnh nha có chữ viết mà còn có cả chính quyền nhà nước tập trung hóa, các thành thị, sử dụng phổ biến công cụ và vũ khí bằng kim loại, sử dụng động vật thuần hóa để vận chuyển, làm sức kéo và lực cơ giới, làm nghề nông và chăn nuôi để sản xuất lương thực. Ở hầu hết hay tất cả các vùng trên các châu lục khác, tại thời điểm đó không hề có thứ gì trong những thứ kể trên; một số thứ – nhưng không phải là tất cả – mãi về sau mới xuất hiện ở một số vùng của châu Mỹ bản địa và châu Phi hạ Sahara, nhưng chỉ trong vòng 5.000 năm sau; và không một thứ nào trong số đó phát sinh ở châu Úc thổ dân. Điều đó hẳn đã cảnh báo cho ta rằng, sự thống trị của các xã hội tây Âu-Á trong thế giới hiện đại đã bắt nguồn từ trong quá khứ bất thành văn trước 3.000 năm TCN. (Khi nói về sự thống trị của các xã hội phía tây lục địa

Âu-Á, ý tôi muốn nói sự thống trị của bản thân các xã hội ở phía tây Âu-Á và các xã hội bắt nguồn từ chúng ở các lục địa khác¹).

Thứ ba, thứ lịch sử mà chỉ tập trung vào các xã hội tây Âu-Á thì sẽ hoàn toàn bỏ qua câu hỏi lớn hiển nhiên. Câu hỏi ấy là: tại sao chính các xã hội này mới là những xã hội trở nên hùng mạnh và đổi mới một cách bất cân xứng đến như vậy? Để trả lời câu hỏi đó, người ta thường viện đến những nguyên nhân trực tiếp nhất, như sự ra đời của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa trọng thương, sự tìm tòi khoa học, công nghệ, và các vi trùng độc hại đã giết chết nhiều dân tộc ở các châu lục khác khi chúng tiếp xúc với người phía tây Âu-Á. Nhưng tại sao tất cả các nhân tố hỗ trợ cho sự chinh phục đó chỉ xuất hiện ở Âu-Á mà thôi, còn ở các lục địa khác chúng chỉ phát sinh ở mức độ thấp hơn hoặc hoàn toàn vắng mặt?

Tất cả các nhân tố trên đều chỉ là những nhân tố trực tiếp chứ không phải lời giải thích tối hậu. Tại sao chủ nghĩa tư bản không sinh sôi nảy nở tại Mexico bản địa, chủ nghĩa trọng thương không phát sinh ở châu Phi hạ Sahara, sự tìm tòi khoa học không phát triển ở Trung Quốc, công nghệ tiên tiến không nảy sinh ở Bắc Mỹ thời người bản địa, và những con vi trùng kinh tởm không ra đời ở châu Úc thổ dân? Nếu trả lời bằng cách viện tới các nhân tố văn hóa đặc thù – chẳng hạn như sự tìm tòi khoa học bị Khổng giáo bóp nghẹt ở Trung Quốc nhưng lại được người Hy Lạp hay các truyền thống Do Thái-Ki tô giáo ở tây Âu-Á khích lệ – người ta vẫn sẽ tiếp tục lờ đi việc cần phải có lời giải thích tối hậu:

1. Hẳn là tác giả muốn nói Hoa Kỳ, vốn nằm ở lục địa châu Mỹ nhưng bắt nguồn từ châu Âu tức “phân phía tây lục địa Âu-Á” – ND.

tại sao các truyền thống như Khổng giáo không phát triển ở tây Âu-Á còn đạo đức Do Thái-Ki tô giáo không phát triển ở Trung Quốc? Ngoài ra, người ta vẫn lờ đi thực tế rằng cho đến khoảng năm 1.400, nước Trung Quốc, Khổng giáo đã đạt trình độ công nghệ tiên tiến hơn so với phía tây Âu-Á.

Không thể hiểu được ngay cả bản thân các xã hội tây Âu-Á nếu chỉ tập trung vào đó mà thôi. Những câu hỏi thú vị liên quan đến sự khác biệt giữa các xã hội đó với các xã hội khác. Muốn trả lời các câu hỏi đó, ta cũng cần phải hiểu tất cả các xã hội khác nữa; như vậy thì mới có thể đặt các xã hội phía tây Âu-Á vào một bối cảnh rộng hơn.

Một số độc giả có thể cảm thấy tôi đang đi từ chỗ lịch sử theo lối thông thường sang phía cực đối lập, bằng cách dành quá ít trang cho phía tây Âu-Á mà lại nói quá nhiều về các vùng khác của thế giới. Tôi sẽ trả lời rằng, một số vùng khác của thế giới bao hàm rất nhiều thông tin, bởi chúng bao quát rất nhiều xã hội – và đây là những xã hội rất khác nhau – trong một khu vực địa lý nhỏ hẹp. Các độc giả khác có thể đồng ý với một nhà phê bình cuốn sách này. Với giọng điệu phê phán nhẹ nhàng, nhà phê bình đó đã viết rằng dường như tôi xem lịch sử thế giới như một củ hành, trong đó lịch sử hiện đại chỉ chiếm phần bề mặt, còn muốn hiểu lịch sử thì phải bóc dần đến các lớp bên trong. Phải, lịch sử thế giới đúng là một củ hành như vậy! Nhưng bản thân việc bóc dần từng lớp vỏ hành kia mới thật hấp dẫn, đây thử thách – và có tầm quan trọng lớn lao đối với chúng ta ngày nay, một khi chúng ta muốn thấu hiểu những bài học của quá khứ ngõ hầu nhìn tới tương lai.

JARED DIAMOND

Câu hỏi của Yali

Tất cả chúng ta đều biết, lịch sử đã diễn ra rất khác nhau đối với từng dân tộc ở những vùng khác nhau trên Trái Đất. Trong vòng 13.000 năm kể từ cuối Thời kỳ Băng hà sau cùng, một số vùng trên thế giới đã phát triển thành các xã hội công nghiệp có chữ viết cùng với công cụ bằng kim loại, một số vùng khác chỉ phát triển thành các xã hội nông nghiệp không chữ viết, và nhiều vùng khác nữa vẫn chỉ là các xã hội săn bắt hái lượm dùng công cụ bằng đá. Những sự bất quân bình lịch sử này đã hắt những cái bóng dài lên thế giới hiện đại, bởi các xã hội có chữ viết và sử dụng công cụ bằng kim loại đã chinh phục hoặc tiêu diệt các xã hội khác. Tuy những khác biệt này vẫn là nhân tố cơ bản nhất của lịch sử thế giới, song nguyên nhân của chúng vẫn chưa rõ ràng và gây ra tranh cãi. Câu hỏi hóc búa ấy về nguồn gốc của những khác biệt đó đã đặt ra trước mắt tôi từ 25 năm trước, trong một dạng đơn giản và mang tính cá nhân.

Vào tháng 7 năm 1972, tôi đang đi bộ dọc bờ biển trên hòn đảo nhiệt đới New Guinea nơi tôi đang nghiên cứu sự tiến hóa của chim với tư cách nhà sinh vật học. Tôi từng nghe nói về một chính trị gia nổi tiếng người địa phương tên là Yali, lúc đó đang đi kinh lý trong vùng. Hôm đó, tình cờ Yali và tôi lại đi cùng một hướng, và ông bắt kịp tôi. Chúng tôi đi bên nhau trong khoảng một tiếng đồng hồ và nói chuyện suốt thời gian đó.

Con người Yali đầy lôi cuốn và nghị lực. Cặp mắt ông ngời sáng đầy mê hoặc. Ông nói năng hết sức tự tin về mình,

nhưng ông cũng đặt nhiều câu hỏi thấu đáo và biết chăm chú lắng nghe. Cuộc đàm đạo của chúng tôi bắt đầu với chủ đề mà lúc đó người New Guinea nào cũng canh cánh trong lòng: nhịp độ nhanh chóng của diễn tiến chính trị. Papua New Guinea, theo cách mà hiện nay người ta gọi dân tộc của Yali, lúc đó còn là lãnh thổ do Úc cai quản theo ủy trị của Liên Hợp Quốc, nhưng chẳng bao lâu nữa ắt sẽ giành được độc lập. Yali giải thích cho tôi về vai trò của ông trong việc giúp người dân địa phương chuẩn bị cho việc tự mình nắm chính quyền.

Sau một hồi, Yali chuyển hướng cuộc trò chuyện và bắt đầu “quay” tôi. Ông chưa hề ra khỏi New Guinea và chưa hề học quá bậc trung học, nhưng không gì có thể thỏa mãn được nỗi tò mò của ông. Trước hết, ông muốn biết về công việc nghiên cứu chim ở New Guinea của tôi (kể cả chuyện tôi được trả bao nhiêu tiền). Tôi giải thích cho ông về những nhóm chim rất khác nhau đã di cư đến New Guinea trong vòng hàng triệu năm qua ra sao. Rồi ông hỏi tôi tổ tiên của chính dân tộc ông đã đến New Guinea bằng cách nào trong mấy vạn năm trở lại đây, và người châu Âu da trắng đã biến New Guinea thành thuộc địa như thế nào trong 200 năm qua.

Cuộc đối thoại vẫn khá thân thiện, mặc dù cả hai chúng tôi chẳng lạ gì về sự căng thẳng giữa hai xã hội mà Yali và tôi là đại diện. Hai thế kỷ trước đây, tất cả người New Guinea hãy còn “sống trong Thời kỳ Đồ đá”. Nghĩa là, họ vẫn dùng những công cụ bằng đá tương tự những gì mà ở châu Âu đã bị thay thế bằng công cụ kim loại từ hàng ngàn năm trước; và họ sống trong những ngôi làng không được quản lý dưới một chính quyền có tính tập trung. Người da trắng đã đến, áp đặt chính quyền tập trung và mang tới những hàng hóa

vật chất mà người New Guinea lập tức nhận ra giá trị, từ rìu thép, diêm và thuốc men cho tới quần áo, rượu và ô. Ở New Guinea, tất cả những hàng hóa này được gọi chung là “hàng” (cargo).

Nhiều thực dân da trắng công khai khinh miệt người New Guinea như những kẻ “nguyên thủy”. Ngay cả những “ông chủ” da trắng kém cỏi nhất ở New Guinea – mãi đến năm 1972 họ vẫn được gọi là “ông chủ” – cũng có mức sống cao hơn nhiều so với người New Guinea, thậm chí cao hơn cả những chính trị gia đầy sức lôi cuốn như Yali. Thế nhưng Yali đã “quay” rất nhiều người da trắng cũng như đã “quay” tôi khi đó, còn tôi thì đã “quay” nhiều người New Guinea. Cả ông lẫn tôi đều biết rõ rằng người New Guinea trung bình ít nhất cũng thông minh ngang với người châu Âu. Tất cả những điều đó chắc chắn Yali đều đã nghĩ tới khi ông hỏi tôi với ánh mắt sáng quắc xuyên thấu: “Thế tại sao người da trắng các ông lại chế ra nhiều hàng như vậy rồi đem sang New Guinea, còn người da đen chúng tôi lại có ít hàng của chính mình đến vậy?”

Đó là một câu hỏi đơn giản nhưng chạm đến tâm điểm của đời sống mà Yali đã trải qua. Phải, vẫn có một sự khác biệt to lớn giữa lối sống của người New Guinea trung bình với lối sống của người châu Âu hay người Mỹ trung bình. Giữa các dân tộc khác trên thế giới cũng có những khác biệt tương tự về lối sống. Những khác biệt lớn lao đó ắt có những nguyên nhân sâu xa mà người ta có thể cho là hiển nhiên.

Thế nhưng câu hỏi bề ngoài đơn giản của Yali lại không dễ để trả lời. Lúc ấy tôi đã không trả lời được. Các sử gia chuyên nghiệp vẫn còn tranh cãi với nhau về câu trả lời, thậm chí hầu hết còn không đặt ra câu hỏi đó nữa. Trong

nhều năm kể từ khi Yali và tôi có cuộc đàm đạo kể trên, tôi đã nghiên cứu và viết về các phương diện khác của tiến hóa, lịch sử và ngôn ngữ loài người. Cuốn sách này, được viết ra sau đó 25 năm, là nỗ lực để trả lời Yali.

Mặc dù câu hỏi của Yali chỉ liên quan đến sự tương phản về lối sống giữa người New Guinea với người da trắng châu Âu, song nó có thể được mở rộng ra với nhiều cặp tương phản khác trong thế giới hiện đại. Các dân tộc có nguồn gốc Âu-Á, nhất là các dân tộc hiện vẫn đang sống ở châu Âu và Đông Á, cộng với những người đã di cư sang Bắc Mỹ, thống trị thế giới hiện đại về của cải và quyền lực. Các dân tộc khác, trong đó hầu hết là người châu Phi, đã dứt bỏ được ách thực dân châu Âu, song vẫn còn tụt hậu rất xa về của cải và quyền lực. Lại có những dân tộc khác, chẳng hạn như cư dân bản địa châu Úc, người châu Mỹ bản địa và người cực nam châu Phi, không còn là chủ nhân mảnh đất của mình, mà đã không ngừng bị tàn sát, bị chinh phục, và trong một số trường hợp thậm chí còn bị diệt chủng bởi thực dân châu Âu.

Vậy, có thể đặt lại những câu hỏi về sự bất bình đẳng trong thế giới hiện đại như sau: Tại sao của cải và quyền lực lại được phân phối như hiện nay, thay vì theo cách khác? Chẳng hạn, tại sao không phải người châu Mỹ bản địa, người châu Phi và người châu Úc bản địa là những kẻ đi tàn sát, chinh phục hay tiêu diệt người châu Âu và người châu Á?

Chúng ta có thể dễ dàng đẩy câu hỏi này lùi lại một bước. Vào năm 1500, khi sự bành trướng thuộc địa trên thế giới của châu Âu chỉ mới khởi đầu, các dân tộc trên những lục địa khác nhau đã rất khác biệt về công nghệ và tổ chức chính trị. Hầu hết châu Âu, châu Á và Bắc Phi là nơi có những nhà nước hoặc đế quốc vũ trang bằng kim loại, một số trong đó

đang trên ngưỡng cửa công nghiệp hóa. Hai dân tộc châu Mỹ bản địa, người Aztec và người Inca, đang cai trị những đế quốc dùng công cụ bằng đá. Những vùng của châu Phi hạ Sahara được phân chia giữa các quốc gia hay thủ lĩnh nhỏ cùng những công cụ bằng sắt. Hầu hết các dân tộc khác – trong đó có tất cả các dân tộc ở châu Úc và New Guinea, nhiều đảo Thái Bình Dương, hầu hết châu Mỹ và nhiều vùng nhỏ của châu Phi hạ Sahara – vẫn sống như những bộ lạc nông nghiệp hay thậm chí vẫn là những bầy người săn bắt hái lượm dùng công cụ bằng đá.

Dĩ nhiên, những sự khác biệt về công nghệ và chính trị đó vào khoảng năm 1500 đã là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến những bất quân bình của thế giới hiện đại. Các đế quốc có vũ khí bằng thép đã có thể chinh phục hay tiêu diệt các bộ lạc dùng vũ khí bằng đá và gỗ. Tuy nhiên, làm cách nào thế giới đã đạt tới tình trạng như vậy vào thời điểm năm 1500?

Một lần nữa, chúng ta có thể dễ dàng đẩy lùi câu hỏi này thêm một bước nữa, bằng cách dựa vào lịch sử thành văn và các phát hiện khảo cổ. Cho đến cuối Thời kỳ Băng hà, khoảng 11.000 năm TCN, mọi dân tộc trên mọi lục địa đều hãy còn là dân săn bắt hái lượm. Mỗi lục địa phát triển với một tốc độ khác nhau trong khoảng từ 11.000 năm TCN đến năm 1500, đó chính là điều đã dẫn đến những bất quân bình về công nghệ và chính trị vào năm 1500. Trong khi người châu Úc bản địa và nhiều người châu Mỹ bản địa vẫn cứ là dân săn bắt hái lượm, thì hầu hết người Âu-Á, hầu hết người châu Mỹ và châu Phi hạ Sahara đã dần dần phát triển nông nghiệp, chăn nuôi, nghề luyện kim và các tổ chức chính trị phức tạp. Các vùng Âu-Á và một khu vực của châu Mỹ cũng đã phát minh ra chữ viết một cách độc lập. Tuy nhiên, chính

tại Âu-Á các phát minh này xuất hiện sớm hơn ở bất cứ nơi nào khác. Chẳng hạn, việc sản xuất đại trà công cụ bằng đồng, vốn chỉ mới khởi đầu ở vùng Andes Nam Mỹ vào các thế kỷ trước năm 1500, đã xuất hiện ở các vùng của Âu-Á từ trước đó trên 4.000 năm. Công nghệ dùng đá của người Tasmania, khi được các nhà thám hiểm châu Âu phát hiện lần đầu vào năm 1642, còn đơn sơ hơn nhiều so với ở nhiều vùng của châu Âu Sơ kỳ Đồ Đá Cũ trước đó hàng vạn năm.

Vậy là, rốt cuộc chúng ta có thể đặt lại câu hỏi về những sự bất quân bình của thế giới hiện đại như thế này: tại sao sự phát triển của loài người đã diễn ra trên những lục địa khác nhau với những tốc độ khác nhau đến vậy? Những tốc độ phát triển rất khác nhau đó chính là mẫu hình lớn nhất của lịch sử và là chủ đề cuốn sách của tôi.

Tuy cuốn sách này nói cho cùng là về lịch sử và tiền sử, song chủ đề của nó không chỉ có giá trị hàn lâm mà còn có tầm quan trọng to lớn về thực tiễn và chính trị. Lịch sử của những tương tác giữa các dân tộc khác nhau chính là cái đã định hình thế giới hiện đại thông qua các cuộc chinh phục, bệnh truyền nhiễm và diệt chủng. Các xung đột đó tạo ra những ảnh hưởng lâu dài mà sau nhiều thế kỷ vẫn chưa thôi tác động, vẫn đang tích cực tiếp diễn ở một số khu vực nhiều vấn đề nhất của thế giới ngày nay.

Chẳng hạn, hầu hết châu Phi vẫn đang phải đánh vật với di sản quá khứ thuộc địa gần đây của mình. Ở các khu vực khác – gồm nhiều nơi ở Trung Mỹ, Mexico, Peru, Tân Caledonia, Liên Xô cũ và những vùng của Indonesia – các cuộc nổi loạn và chiến tranh du kích đang khiến người bản địa mà dân số vẫn còn khá đông chống lại các chính phủ vốn chủ yếu nằm trong tay hậu duệ của những kẻ chinh phục

từ nơi khác đến. Nhiều dân tộc bản địa khác – như người Hawaii bản địa, người Úc bản địa, người Siberia bản địa, người châu Mỹ bản địa ở Hoa Kỳ, Canada, Brazil, Argentina và Chile – đã bị giảm sút nghiêm trọng về dân số do nạn diệt chủng và bệnh tật đến nỗi ngày nay họ chỉ còn một dóm lọt thỏm giữa số đông hậu duệ của những kẻ xâm lược. Mặc dù không có khả năng gây ra nội chiến, họ vẫn đang ngày càng mạnh mẽ đòi quyền lợi của mình.

Ngoài ảnh hưởng lâu dài của các xung đột giữa các dân tộc trong quá khứ đối với tình hình chính trị và kinh tế ngày nay, còn có những ảnh hưởng về ngôn ngữ hiện thời, đặc biệt là sự biến mất trong ngày một ngày hai của hầu hết trong số 6.000 ngôn ngữ hiện còn của thế giới hiện đại, do chúng bị thay thế bởi tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nga và một số ít ngôn ngữ khác mà số người nói chúng đã tăng vọt trong vài thế kỷ gần đây. Mọi vấn nạn đó của thế giới hiện đại đều là hệ quả của những quỹ đạo lịch sử khác nhau hàm chứa trong câu hỏi của Yali.

Trước khi tìm lời đáp cho câu hỏi của Yali, chúng ta nên dừng một chút để xem xét một số ý kiến phản đối việc thảo luận câu hỏi đó. Đối với một số người, nội việc đặt ra câu hỏi đó thôi cũng đủ khiến họ thấy mình bị xúc phạm vì một số lý do.

Một ý kiến phản đối như sau: Nếu chúng ta thành công trong việc lý giải làm cách nào một số người này thống trị những người khác, thì liệu điều đó có thể biện minh cho sự thống trị không? Liệu có phải nói vậy là hàm ý hậu quả là không thể tránh được, và do đó việc đấu tranh hòng cố gắng thay đổi hậu quả đó ngày nay là vô nghĩa? Ý kiến phản đối này dựa trên một khuynh hướng phổ biến là lẫn lộn giữa

việc lý giải nguyên nhân với việc biện minh hoặc chấp nhận kết quả. Sử dụng một cách lý giải lịch sử vào việc gì và bản thân việc lý giải đó là hai chuyện hoàn toàn khác nhau. Hiểu một hậu quả thường là để tìm cách thay đổi nó, chứ không phải để lặp lại hoặc kéo dài nó. Chính vì vậy các nhà tâm lý học mới cố thấu hiểu não trạng của những kẻ sát nhân và kẻ hãm hiếp, các nhà sử học xã hội mới cố thấu hiểu hành vi diệt chủng, các bác sĩ mới cố thấu hiểu nguyên nhân bệnh tật ở người. Các nhà khoa học đó không tìm cách biện minh cho hành vi sát nhân, hãm hiếp, diệt chủng và bệnh tật. Thay vào đó, họ tìm cách sử dụng hiểu biết của mình về chuỗi nhân quả để chặn đứng cái chuỗi đó.

Thứ hai, liệu việc trả lời câu hỏi của Yali có tự động bao hàm một cách tiếp cận lịch sử lấy châu Âu làm trung tâm, một sự vinh danh người Tây Âu, và nỗi ám ảnh về sự xuất chúng của Tây Âu và châu Mỹ Âu hóa trong thế giới hiện đại hay không? Liệu cái sự xuất chúng đó chỉ là một hiện tượng nhất thời trong vài thế kỷ trước, còn nay thì đã lu mờ sau sự nổi lên của Nhật Bản và Đông Nam Á hay không? Trên thực tế, hầu hết cuốn sách này sẽ nói đến các dân tộc khác không phải người châu Âu. Thay vì chỉ tập trung vào những tương tác giữa người châu Âu với người không phải châu Âu, chúng ta cũng sẽ xét những tương tác giữa các dân tộc không phải châu Âu với nhau – nhất là các tương tác diễn ra trong nội bộ châu Phi hạ Sahara, Đông Nam Á, Indonesia và New Guinea, giữa các dân tộc bản địa ở các khu vực đó. Không hề tán dương các dân tộc có nguồn gốc Tây Âu, chúng ta sẽ thấy rằng hầu hết các yếu tố cơ bản trong nền văn minh của họ đã được phát triển bởi các dân tộc khác sống ở những nơi khác và sau đó được du nhập đến Tây Âu.

Thứ ba, liệu những từ như “văn minh” và những cụm từ như “sự trỗi dậy của văn minh” có hàm chứa cái ẩn tượng sai lạc rằng văn minh mới là hay ho, còn săn bắt hái lượm thời bộ lạc thì khốn khổ, và lịch sử trong suốt 13.000 năm qua là sự tiến bộ hướng đến chỗ ngày càng hạnh phúc hơn cho con người? Thật tình, tôi không cho rằng các nước công nghiệp là “tốt hơn” các bộ lạc săn bắt hái lượm, hay việc từ bỏ lối sống săn bắt hái lượm để chuyển sang nhà nước dựa trên công cụ bằng sắt là đại diện cho “tiến bộ”, hay điều đó đã dẫn đến việc nâng cao hạnh phúc của con người. Ẩn tượng riêng của tôi, do đã từng sống ở cả các thành phố Hoa Kỳ lẫn các làng mạc New Guinea, là không phải ai cũng hiểu như nhau cái gọi là những phúc lợi của văn minh. Chẳng hạn, so với những người săn bắt hái lượm, công dân ở các nước công nghiệp hóa ngày nay được hưởng dịch vụ y tế tốt hơn, ít có rủi ro bị sát hại, và sống thọ hơn, nhưng lại ít được hưởng sự hỗ trợ xã hội từ tình bạn và những gia đình lớn, nhiều thế hệ. Động cơ để tôi khảo sát những khác biệt địa lý trong các xã hội loài người không phải là để tán dương một loại xã hội nào đó là hay ho hơn, mà chỉ để hiểu điều gì đã xảy ra trong lịch sử.

Liệu câu hỏi của Yali có thực sự cần một cuốn sách khác để trả lời không? Chẳng phải chúng ta đã biết câu trả lời rồi ư? Nếu vậy thì câu trả lời là gì?

Có lẽ cách lý giải thông thường nhất đều hoặc ngầm ngâm hoặc thẳng thừng quy cho sự khác biệt về sinh học giữa các dân tộc. Trong các thế kỷ sau năm 1500, khi các nhà thám hiểm châu Âu bắt đầu biết đến những khác biệt to lớn về công nghệ và tổ chức chính trị giữa các dân tộc trên thế giới, họ cho rằng những khác biệt đó nảy sinh từ những khác biệt về năng lực nội tại. Khi thuyết Darwin xuất hiện,

người ta dùng các thuật ngữ về chọn lọc tự nhiên và nguồn gốc tiến hóa để nhào nặn lại cách lý giải này. Các dân tộc sơ khai về công nghệ bị coi là dấu vết tiến hóa của loài người từ tổ tiên là loài vượn. Họ cho rằng việc những dân tộc như vậy bị các nhà thực dân từ các xã hội công nghiệp hóa đến giành đất đai là tiêu biểu cho sự sống sót của loài thích nghi nhất. Khi ngành di truyền học xuất hiện sau này, cách lý giải ấy được nhào nặn lại một lần nữa, bằng thuật ngữ di truyền học. Người châu Âu bắt đầu được coi về mặt di truyền là thông minh hơn người châu Phi, và đặc biệt là so với người châu Úc bản địa thì lại càng thông minh hơn.

Ngày nay, nhiều bộ phận của xã hội phương Tây công khai bác bỏ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Thế nhưng nhiều (có khi là hầu hết!) người phương Tây, với tư cách cá nhân hay trong tiềm thức, tiếp tục chấp nhận những cách lý giải theo hướng phân biệt chủng tộc. Ở Nhật Bản và nhiều nước khác, các cách giải thích đó vẫn thể hiện công khai mà không hề xin lỗi. Mỗi khi nhắc đến chủ đề người châu Úc bản địa, ngay cả những người Mỹ, người châu Âu và người Úc da trắng có học thức đều cho rằng, bản thân người châu Úc đã có cái gì đó sơ khai. Rõ ràng là trông họ khác người da trắng. Nhiều hậu duệ của những người bản địa đã sống sót qua thời kỳ thực dân châu Âu nay cảm thấy khó mà thành đạt về kinh tế trong xã hội của người Úc da trắng.

Một lập luận có vẻ thuyết phục thì phát biểu như sau: Những người di cư da trắng đến Úc đã xây dựng một nhà nước có học vấn, công nghiệp hóa, tập trung hóa về chính trị và dân chủ dựa trên công cụ bằng kim loại và sản xuất lương thực, tất cả chỉ trong vòng một thế kỷ thực dân hóa một lục địa, nơi mà người châu Úc bản địa đã sinh sống bằng

cách săn bắt hái lượm kiểu bộ lạc và không có kim loại trong vòng ít nhất 40.000 năm. Đây là hai thử nghiệm liên tiếp nhau trong sự phát triển của loài người mà ở đó môi trường là đồng nhất và biến tố duy nhất là những con người chiếm hữu môi trường đó. Có bằng chứng nào hơn thế để có thể kết luận rằng những khác biệt giữa các xã hội châu Úc bản địa với châu Âu nảy sinh từ những khác biệt ở bản thân các dân tộc đó?

Sự phản đối những cách lý giải theo hướng phân biệt chủng tộc này không phải chỉ vì chúng thật đáng tởm, mà còn bởi chúng sai. Không có bằng chứng vững chắc nào cho thấy có tồn tại những khác biệt về trí tuệ của con người song song với những khác biệt về công nghệ. Trên thực tế, như tôi sẽ giải thích ngay sau đây, các dân tộc “Đồ đá” thời hiện đại, xét ở mức trung bình, có lẽ thông minh hơn chứ không phải kém hơn các dân tộc đã công nghiệp hóa. Nghe thì có vẻ nghịch lý, nhưng ở Chương 15 chúng ta sẽ thấy, các di dân da trắng đến châu Úc không đáng được hưởng cái tiếng thơm mà lâu nay người ta vẫn gán cho là đã xây dựng một xã hội công nghiệp hóa có văn hóa cùng với các đức tính khác như đã kể ở trên. Ngoài ra, các dân tộc mà chỉ mới gần đây hầy còn sơ khai về công nghệ – như người châu Úc bản địa và người New Guinea – thường nắm rất chắc công nghệ một khi được trao cho cơ hội làm điều đó.

Các nhà tâm lý học về nhận thức đã có một nỗ lực to lớn hòng tìm kiếm những khác biệt về IQ giữa những người xuất thân từ nhiều vùng địa lý khác nhau nhưng hiện sống trong cùng một đất nước. Đặc biệt, nhiều nhà tâm lý học người Mỹ da trắng suốt nhiều thập kỷ qua đã ra sức chứng minh rằng người Mỹ da đen gốc Phi bẩm sinh kém thông minh hơn người Mỹ da trắng gốc Âu. Tuy nhiên, như mọi

người đều biết, những người được đem ra so sánh vốn dĩ khác nhau rất nhiều về môi trường xã hội và cơ hội học hành. Sự thật này càng gây khó khăn gấp đôi cho những nỗ lực nhằm kiểm chứng giả thiết rằng những khác biệt về trí tuệ là nguyên nhân sâu xa cho những khác biệt về công nghệ. Thứ nhất, ngay cả khả năng nhận thức của người lớn đã chịu ảnh hưởng nặng nề của môi trường xã hội nơi chúng ta trải qua thời thơ ấu, khiến cho thật khó lòng phân biệt rạch ròi xem ảnh hưởng nào là do những khác biệt bẩm sinh trong gen di truyền. Thứ hai, các thử nghiệm về khả năng nhận thức (chẳng hạn như thử nghiệm IQ) có xu hướng đo đếm vốn kiến thức về văn hóa chứ không phải trí thông minh bẩm sinh dù nó là thế nào đi chăng nữa. Do những tác động rõ ràng đó của môi trường sống thời thơ ấu và tri thức thu nhận được đối với kết quả thử nghiệm IQ, nên nỗ lực của các nhà tâm lý học cho đến nay vẫn chưa thể đưa ra kết luận nào đủ sức thuyết phục về sự thiếu hụt IQ bẩm sinh mà nhiều người cho là hiển nhiên không phải bản ở những ai không phải người da trắng.

Quan điểm của tôi đối với cuộc tranh cãi này hình thành từ 33 năm làm việc với những người New Guinea trong chính xã hội còn nguyên vẹn của họ. Ngay từ những ngày đầu làm việc với người New Guinea, họ đã gây ấn tượng cho tôi rằng về trung bình thì họ thông minh hơn, sáng trí hơn, biết biểu cảm hơn và quan tâm nhiều hơn đến người và vật quanh mình so với người Âu hay người Mỹ trung bình. Ở một số công việc mà người ta có thể giả định một cách hợp lý là phản ánh những phương diện của chức năng não bộ, chẳng hạn như khả năng lập bản đồ trong đầu về những cảnh quan không quen thuộc, họ tỏ ra tinh tường hơn nhiều so

với người phương Tây. Dĩ nhiên, người New Guinea có xu hướng đạt hiệu quả kém hơn ở những việc mà người phương Tây đã được rèn luyện từ thời thơ ấu còn người New Guinea thì không. Vì vậy mà những người New Guinea sống trong các làng mạc xa xôi, không hề được học hành, lại có vẻ như ngu độn trong mắt người phương Tây. Ngược lại, tôi luôn luôn biết mình có vẻ ngu độn đến thế nào trong mắt người New Guinea mỗi khi tôi cùng họ vào rừng, bởi tôi tỏ ra thật vụng về, kém cỏi ở những việc đơn giản (chẳng hạn như lần theo một lối mòn trong rừng rậm hoặc dựng lều) mà người New Guinea đã được dạy làm từ bé còn tôi thì không.

Không khó nhận ra hai lý do tại sao ấn tượng của tôi rằng người New Guinea thông minh hơn người phương Tây có thể là đúng. Trước hết, người châu Âu từ hàng ngàn năm nay đã sống trong những xã hội có mật độ dân cư cao, với chính phủ trung ương, cảnh sát và tòa án. Trong những xã hội đó, các bệnh dịch truyền nhiễm đặc thù cho dân cư tập trung (chẳng hạn như đậu mùa) là nguyên nhân tử vong chính trong lịch sử, trong khi việc giết người tương đối không phổ biến, còn tình trạng chiến tranh là ngoại lệ chứ không phải thông lệ. Hầu hết người châu Âu nào thoát khỏi các bệnh truyền nhiễm chết người thì cũng thoát khỏi các lý do tử vong tiềm tàng khác và truyền lại gen của mình cho các thế hệ sau. Ngày nay, hầu hết trẻ em châu Âu sinh ra đều sống qua được các căn bệnh truyền nhiễm chết người và có thể sinh con đẻ cái, bất kể trí thông minh và các gen mà chúng mang trong người là như thế nào. Ngược lại, người New Guinea đã sống trong những xã hội mà số lượng người quá ít không đủ cho các bệnh truyền nhiễm vốn chỉ nảy sinh ở quần thể đông có thể phát triển. Thay vào đó, người New

Guinea truyền thống thường chết nhiều hơn do tình trạng giết hại lẫn nhau, chiến tranh liên miên giữa các bộ lạc, tai nạn, và những khó khăn trong tìm kiếm lương thực.

Trong xã hội New Guinea truyền thống, người thông minh thường có nhiều khả năng thoát khỏi các nguyên nhân gây tử vong cao kể trên so với người kém thông minh. Tuy nhiên, tỷ lệ tử vong khác nhau vì bệnh truyền nhiễm ở các xã hội châu Âu truyền thống thì chẳng mấy liên quan đến trí thông minh, mà lại liên quan đến kháng thể di truyền vốn tùy thuộc vào những chi tiết trong thành phần hóa học của cơ thể. Chẳng hạn, người có nhóm máu B hoặc O có nhiều kháng thể chống bệnh đậu mùa hơn so với người có nhóm máu A. Nghĩa là, ở New Guinea, sự chọn lọc tự nhiên để cho ra gen thông minh có lẽ nghiệt ngã hơn nhiều so với ở các xã hội với mật độ dân cư cao hơn và tổ chức chính trị phức tạp hơn, nơi mà chọn lọc tự nhiên đối với thành phần hóa học của cơ thể là mạnh mẽ hơn.

Ngoài nguyên nhân di truyền này, còn có một nguyên nhân thứ hai khiến người New Guinea có khi lại hóa ra thông minh hơn người phương Tây. Trẻ em châu Âu và Mỹ ngày nay dành phần lớn thời gian để giải trí thụ động bằng ti vi, radio và phim. Trong gia đình Mỹ trung bình, người ta bật ti vi mỗi ngày bảy tiếng đồng hồ. Ngược lại, trẻ em New Guinea truyền thống gần như không có cơ hội nào để giải trí thụ động như vậy mà dành hầu hết thời gian trong ngày để làm việc gì đó tích cực, chẳng hạn trò chuyện hoặc chơi với các trẻ khác hay người lớn. Hầu như mọi nghiên cứu về sự phát triển của trẻ đều nhấn mạnh vai trò của sự kích thích và hoạt động trong thời thơ ấu đối với việc phát triển trí não, và nêu rõ rằng nếu thiếu sự kích thích trong thời

thơ ấu thì trí não sẽ phát triển còi cọc không thể cứu vãn. Điều này chắc chắn đã góp một nhân tố phi di truyền vào [sự hình thành] chức năng trí não vượt trội ở người New Guinea trung bình.

Nghĩa là, về khả năng trí não, người New Guinea có lẽ vượt trội về di truyền so với người phương Tây, và chắc chắn họ cũng vượt trội ở khả năng thoát khỏi những bất lợi to lớn về phát triển mà hầu hết trẻ em trong các xã hội công nghiệp hóa ngày nay phải đối mặt khi lớn lên. Hiển nhiên là ở đây tuyệt không có hàm ý gì về sự *bất lợi* của người New Guinea về mặt trí tuệ để có thể trả lời câu hỏi của Yali. Cũng hai nhân tố đó – di truyền và sự phát triển trong thời thơ ấu – là cái không chỉ khiến người New Guinea khác biệt người phương Tây, mà cũng khiến những người săn bắt hái lượm và thành viên của các xã hội sơ khai về công nghệ khác biệt với thành viên các xã hội tiên tiến về công nghệ nói chung. Vậy là, cái giả định mang tính phân biệt chủng tộc thường tình ắt phải được lật lại. Song nếu thế thì tại sao người châu Âu, bất chấp những bất lợi có thể có về di truyền và (trong thời hiện đại) có những bất lợi hiển nhiên trong quá trình phát triển ở tuổi thơ ấu, rốt cuộc lại vẫn có nhiều hàng hóa hơn? Tại sao người New Guinea lại là những kẻ sơ khai về công nghệ, dù họ có cái mà tôi tin là trí thông minh vượt trội?

Cách lý giải dựa theo di truyền học không phải là lời đáp duy nhất khả dĩ cho câu hỏi của Yali. Một cách lý giải khác, rất phổ biến ở người Bắc Âu, thì lại dựa vào cái gọi là tác động kích thích của khí hậu lạnh ở đất nước họ, trong khi khí hậu nóng, ẩm, nhiệt đới thì có tác động kìm hãm đối với sức sáng tạo và năng lực ở con người. Có thể là khí hậu thay đổi theo mùa ở các vĩ độ cao đặt ra nhiều thách thức đa dạng

hơn so với khí hậu nhiệt đới ít thay đổi theo mùa. Có thể là khí hậu lạnh đòi hỏi người ta phải sáng tạo hơn về công nghệ để sinh tồn, bởi người ta phải xây nhà đủ ấm, mặc đủ ấm, trong khi sống ở vùng nhiệt đới thì ít phải lo về nhà ở hơn và không phải lo mặc ấm. Hoặ, cũng có thể đảo ngược lập luận đó để đi đến cùng một kết luận: mùa đông dài ở các vĩ độ cao khiến người ta phải dành nhiều thời gian hơn ở trong nhà để lo việc phát minh.

Mặc dù kiểu lý giải này đã từng thịnh hành, song nếu khảo sát cẩn thận thì cũng không chắc chắn. Như chúng ta sẽ thấy, các dân tộc Bắc Âu mãi đến mấy ngàn năm gần đây vẫn không hề đóng góp được gì có tầm quan trọng cơ bản đối với nền văn minh Âu-Á; đơn giản là họ có may mắn sống ở một vị trí địa lý mà họ có thể tiếp thu những thành tựu (chẳng hạn như nông nghiệp, bánh xe, chữ viết và nghề luyện kim) đã được phát triển ở những khu vực ấm áp hơn của lục địa Âu-Á. Ở Tân Thế giới, các khu vực lạnh ở vĩ độ cao thậm chí còn là nơi trì trệ hơn của loài người. Những xã hội châu Mỹ bản địa duy nhất từng phát minh ra chữ viết đều đã nảy sinh ở Mexico tại phía nam chí tuyến bắc; những đồ gốm xưa nhất của Tân Thế giới xuất hiện ở gần xích đạo tại vùng nhiệt đới Nam Mỹ; và xã hội Tân Thế giới mà ý kiến chung nhận định là xã hội tiên tiến nhất về nghệ thuật, thiên văn và các phương diện khác là xã hội Maya cổ ở vùng Yucatán và Guatemala nhiệt đới vào thiên niên kỷ thứ nhất thuộc Công nguyên.

Lại có một cách lý giải thứ ba cho câu hỏi của Yali; nó giả định về tầm quan trọng của các thung lũng đất thấp ven sông tại các vùng khí hậu khô, nơi mà nông nghiệp năng suất cao phụ thuộc vào các hệ thống đê điều quy mô lớn,

các hệ thống này lại đòi hỏi phải có chính quyền tập trung. Người ta đề xuất cách lý giải này là do thực tế hiển nhiên rằng các đế quốc sớm nhất và chữ viết lâu đời nhất đều xuất hiện ở các thung lũng Tigris và Euphrate tại vùng Lưỡng Hà và thung lũng sông Nile của Ai Cập. Các hệ thống điều tiết nước hình như cũng gắn liền với các tổ chức chính trị tập trung tại một vài khu vực khác của thế giới, trong đó có thung lũng sông Ấn ở tiểu lục địa Ấn Độ, các thung lũng Hoàng Hà và Dương Tử ở Trung Hoa, vùng đất thấp Maya tại Trung Mỹ, và vùng sa mạc duyên hải Peru.

Tuy nhiên, nghiên cứu khảo cổ chi tiết đã chỉ ra rằng các hệ thống tưới tiêu phức tạp không *đi liền* với sự ra đời của các chính quyền tập trung hóa mà xuất hiện *sau đó* một thời gian dài. Có nghĩa là, sự tập trung hóa về chính trị đã ra đời vì một lý do nào khác và sau đó cho phép xây dựng các hệ thống tưới tiêu phức tạp. Không có sự phát triển chủ chốt nào ra đời trước các chính quyền tập trung tại các khu vực này của thế giới mà lại gắn liền với các thung lũng sông hoặc với các hệ thống tưới tiêu phức tạp. Chẳng hạn, ở Lưỡng Hà, sản xuất lương thực và lối sống thành làng mạc đã phát sinh ở vùng đồi núi chứ không phải ở các thung lũng sông đất thấp. Thung lũng sông Nile vẫn là một khu vực chậm tiến về văn hóa trong khoảng 3.000 năm sau khi nền sản xuất lương thực theo làng mạc bắt đầu hưng thịnh tại vùng đồi núi của Lưỡng Hà. Các thung lũng sông ở Tây Nam Hoa Kỳ rất cuộc cũng đã hỗ trợ sự ra đời của nông nghiệp tưới tiêu và xã hội phức tạp, song chỉ sau khi nhiều phát minh mà các xã hội đó dựa vào đã được du nhập từ Mexico. Các thung lũng sông ở Đông Nam Úc vẫn chỉ có các xã hội bộ lạc không biết làm nông sinh sống.